

Bản án số: 30/2020/HNGĐ - ST
Ngày 28-10-2020
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nhân.
2. Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2020/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Xuân Th, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đỗ Xuân Th trình bày: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị T trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào tháng 11-1987 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận tại thôn N, xã T, huyện K đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do con trai của ông bà bị chết do tai

nạn giao thông nên ảnh hưởng đến tâm lí của hai vợ chồng, ông bà luôn xảy ra bất hòa, nghi ngờ nhau trong cuộc sống dẫn đến tình trạng vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề. Mâu thuẫn của vợ chồng ông bà đã được gia đình, họ hàng và chính quyền, đoàn thể địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay ông Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa bà với ông Đỗ Xuân Th và thời điểm xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như ông Th đã trình bày. Nay ông Th xin ly hôn, bà không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau lo việc bốc mộ cho con trai sau này cũng như để cho con, cháu có đầy đủ ông bà, cha mẹ.

Về con chung: Ông Th và bà T thống nhất xác định vợ chồng ông bà có hai con chung là Đỗ Thu H, sinh năm 1987 và Đỗ X, sinh năm 1990. Hiện nay chị H đã đi xây dựng gia đình riêng, còn anh X đã chết nên ông bà không yêu cầu giải quyết.

Về con riêng: Ông Th và bà T thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Th, bà T xác định vợ chồng có 03 thửa đất ở tại thôn N, xã T, huyện K gồm: Một thửa có diện tích 100m² đứng tên ông Th, một thửa có diện tích 100m² đứng tên bà T và một thửa có diện tích 381m² đứng tên ông Th. Trên thửa đất 381m² ông bà xây dựng được 01 nhà hai tầng hiện ông bà đang ở. Quan điểm của ông Th, bà T thống nhất để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Ông Th, bà T thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là ông Th và bà T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa ông Đỗ Xuân Th và bà Nguyễn Thị T. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Xuân Th và bà Nguyễn Thị T là hợp pháp, ông bà đăng ký kết hôn với nhau vào tháng 11-1987 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn ông bà chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do con trai của ông bà bị chết, từ đó ảnh hưởng đến tâm lý và làm xáo trộn cuộc sống của ông bà, vợ chồng luôn xảy ra bất hòa, nghi ngờ nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt. Nay ông Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn bà T; còn bà T mặc dù không đồng ý ly hôn ông Th nhưng bà cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là thực tế, mặc dù gia đình và họ hàng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Theo xác minh tại địa phương, ông Th và bà T đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017, mặc dù đã được gia đình và đoàn thể cơ sở hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa ông Th và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho ông Th được ly hôn bà T là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Ông Th, bà T có hai con chung là Đỗ Thu H, sinh năm 1987 và Đỗ X, sinh năm 1990. Hiện nay chị H đã đi xây dựng gia đình riêng, còn anh X đã chết nên ông bà không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản chung*: Ông Th, bà T có 03 thửa đất ở tại thôn N, xã T, huyện K gồm: Một thửa có diện tích 100m² đứng tên ông Th, một thửa có diện tích 100m² đứng tên bà T và một thửa có diện tích 381m² đứng tên ông Th, trên thửa đất 381m² ông bà xây dựng được 01 nhà hai tầng hiện nay ông bà đang ở. Ông bà thống nhất quan điểm để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] *Về con riêng; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Ông Th và bà T cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Ông Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa ông Đỗ Xuân Th và bà Nguyễn Thị T.

2. Án phí: Ông Đỗ Xuân Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004147 ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Ông Th đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

